

Lưu ý: Tác dụng phụ: nổi ban da, buồn nôn, nôn, ỉa chảy, táo bón.
 Có 1 số công thức Theragran khác: Theragran (advanced formula), Theragran-M, Theragran Stress formula, thành phần công thức, có thay đổi chút ít nhưng đều là thuốc phối hợp nhiều vitamin, vì lượng khoáng có tiềm năng mạnh.

Théralène pectoral

Dạng thuốc: Lọ 150ml sirô ho trẻ còn bú:

Alimemazin tartrat	37,50mg
Amonium acetat	3,75mg
Na benzoat	360mg
Magne sulfat	300mg
Cao chế sirô Tolu	4,5g

Chỉ định: Ho không do phản xạ mà gây khó chịu, đặc biệt do dị ứng và kích thích.

Liều dùng: Chỉ dùng thời gian ngắn. Uống 1-6 thìa café/ngày.

Chống chỉ định: Suy hô hấp. Glôcôm góc đóng.

Lưu ý: Thuốc làm buồn ngủ- Tác dụng phụ: tăng tiết nhầy phế quản, khô miệng, rối loạn điều tiết, táo bón, bí đái- Cần tìm nguyên nhân chính của ho để trị liệu cho đúng.

Có 2 công thức Théralène khác: có cùng chỉ định.

1) chỉ có alimemazin, dạng ống tiêm 5ml: 5mg, viên 5mg, lọ 150ml sirô, 75mg dạng tartrat và lọ 30ml giọt uống có 1,2g dạng tartrat.

2) Gồm có:

Alimemazin base	37,5mg
Codethylin HCl	420mg
Ephedrin HCl	150mg
Amoni acetat	3,75g

Thera - peutic M (Mỹ)

Dạng thuốc: Viên nén, mỗi viên chứa:

Vitamin A (dạng palmitat)	5500 đvqt
Vitamin C	120mg
Vitamin B ₁	3mg
Vitamin B ₂	3,4mg
Vitamin PP	30mg
Vitamin B ₆	3mg
Vitamin B ₁₂	9mcg
Ergocalciferol	4000 đvqt
Vitamin E	30 đvqt
Calci pantothenat	10mg
Acid folic	0,4mg
Biotin	15mg
Calci (calci phosphat dibase)	40mg
Iod (dạng kali Iodid)	150mcg

Sắt (dạng sắt fumarat)	27mg
Magnesium (dạng MgO)	100mg
Đồng (dạng sulfat)	2mg
Kẽm (dạng sulfat)	15mg
Mangan (dạng sulfat)	5mg
Crom (dạng chlorid)	15mcg
Selenium (dạng Na selenat)	10mcg
Molybden (dạng Na molybdat)	15mcg
Phosphor (dạng phosphat)	31mg
Kali (dạng muối kali)	25mg
Chlorid (dạng kali chlorid)	25mg

Chỉ định: Cung cấp 13 loại Vitamin và 13 vi lượng chất khoáng cho cơ thể.

Liều dùng: Người lớn uống 1 viên sau bữa ăn.

Theravit M (Califarco USA)

Dạng thuốc: Viên nén hình thuẫn chứa các vitamin A, beta-caroten, C, B₁, B₂, niacinamid, B₆, B₁₂, D, E, calci pantothenat, acid folic, biotin và các ion Ca, P, I, Fe, Cu, Mg, Zn, C, Se, Mo, K.

Chỉ định: Bổ xung các vitamin và yếu tố vi lượng khoáng cho cơ thể.

Liều dùng: Người lớn ngày 1-2 viên.

Therazym M (USA)

Viên nén chứa các vitamin và muối khoáng tương tự như bd Theravit M (nhưng không có betacaroten).

Chỉ định: Suy nhược cơ thể, tăng chuyển hóa.

Thiocolchicosid

Dạng thuốc: Viên nén 4mg. Ống tiêm 2ml= 4mg.

Tác dụng: Thuốc tổng hợp có lưu huỳnh tương tự như một glucosid tự nhiên ở cây Colchicum autumnale, gây thư giãn cơ, tác dụng đến các cơ nội tạng, nhất là cơ tử cung, nhưng không có tác dụng như cura, nên không ảnh hưởng đến các vận động tự ý, không gây ra liệt cơ, do đó ít gây nguy cơ liệt hô hấp. Mặt khác, thuốc cũng không ảnh hưởng đến hệ tim mạch.

Chỉ định: Cơ co rút gây đau đớn như: thoát hóa đốt sống hoặc sai khớp sống, vẹo cổ (torticollis), đau sống lưng, đau vùng thắt lưng. Bệnh do chấn thương hoặc tổn thương thần kinh. Trong phục hồi chức năng vận động, chứng kinh đau.

Liều dùng: Người lớn, ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 viên, hoặc tiêm bắp, ngày 2 ống.

Chống mẫn cảm: Mẫn cảm với một thành phần của thuốc.